

TÒA ÁN NHÂN DÂN
YÊN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN YÊN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Dương
Bà Trịnh Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Yên H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Yên H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Yên H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1987. Xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, Yên T, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1984. Xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, Yên H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lê Thị Th thể hiện như sau:

Tôi và anh Lê Văn T1 tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã P, Yên H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2011. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống hòa thuận với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi đi làm ăn xa nên vợ chồng ở xa nhau, dẫn đến tình cảm dần phai nhạt, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy vợ chồng tôi sống ly thân khoảng 08 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng

thêm được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T1.

Về con: Vợ chồng tôi 02 con chung là cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Lê Văn Y, sinh ngày 29/4/2010. Chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2024 của anh Lê Văn T1 thể hiện:

Tôi và cô Lê Thị Th tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Yên H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng tôi sống ly thân khoảng 08 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay cô Lê Thị Th đề nghị ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Lê Văn Y, sinh ngày 29/4/2010, hiện đều đang ở với cô Th. Cô Th mong muốn nuôi cả hai con, tôi cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Lê Thị Yến Nh và cháu Lê Văn Y đều thể hiện:

Bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2024 tại UBND xã P, Yên H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: Anh Lê Văn T1 và chị Lê Thị Th làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã P, Yên H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 01, ngày 30/3/2011. Anh T1 và chị Th có 02 con chung là cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Lê Văn Y, sinh ngày 29/4/2010. Thực tế anh T1 và chị Th mâu thuẫn thế nào, địa phương không rõ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Yên H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã T1 thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th, xử

cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lê Văn T1. Về con: đề nghị công nhận anh T1 và chị Th có 02 con chung là cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Lê Văn Y, sinh ngày 29/4/2010. Đề nghị giao cả hai cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị Th chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không có mặt để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị Th và bị đơn anh Lê Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Yên H, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/3/2011 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Anh Lê Văn T1 thể hiện nguyện vọng tại bản tự khai là thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt anh chị nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T1. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Do chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 cùng thống nhất có 02 con chung là cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Lê Văn Y, sinh ngày 29/4/2010, giấy khai sinh của các cháu đều thể hiện tên mẹ là Lê Thị Th và tên bố là Lê Văn T1 nên công nhận hai cháu Lê Thị Yến Nh và Lê Văn Y là con chung của chị Th và anh T1. Chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai cháu, hai cháu đang ở với chị Th và các cháu đều có nguyện vọng xin ở với mẹ, anh T1 cũng thống nhất. Vì vậy, giao cháu Lê Thị Yến Nh

và Lê Văn Y cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con: **Công nhận** chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 02 con chung là cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 19/02/2007 và cháu Lê Văn Y, sinh ngày 29/4/2010. Giao cả hai cháu Lê Thị Yến Nh và Lê Văn Y cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu anh Lê Văn T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị Th thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Th chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp **là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Yên H theo biên lai thu số 0003918 ngày 15/7/2024 (Chị Lê Thị Th đã nộp đủ).**

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Yên H;
- Chi cục THADS Yên H;
- UBND xã H. Hợp, h. H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Khắc Dương Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú

